

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/LĐ-ST

Ngày 25-9-2024

V/v: Tranh chấp về trợ cấp thôi việc

và bồi thường trợ cấp thất nghiệp

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Khoe

2. Ông Nguyễn Văn Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25-9-2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 20/2024/TLST-LĐ ngày 12-4-2024 về việc “Tranh chấp về trợ cấp thôi việc và bồi thường trợ cấp thất nghiệp” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 12/2024/QĐST-LĐ ngày 26-8-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-LĐ ngày 10-9-2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 1 N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Công ty TNHH M1.

Địa chỉ: 6 T, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế M.

Chức vụ: Giám đốc.

(Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt; Công ty TNHH M1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bà Trần Thị L trình bày:

Bà làm công nhân may tại công ty TNHH M1 (gọi tắt là công ty) từ tháng 10/2001 đến ngày 31/01/2023 thì bà và công ty T chấm dứt hợp đồng lao động, ngày 31/01/2023 công ty đã ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 12/01/QĐ/CDHĐLĐ với bà.

Sau khi bà chấm dứt Hợp đồng lao động với công ty đến nay thì công ty

chưa trả tiền trợ cấp thôi việc cho bà. Về việc đóng tiền bảo hiểm thì công ty đóng bảo hiểm cho bà từ tháng 7/2022 đến tháng 12/2023 và thực hiện thủ tục chốt sổ bảo hiểm trễ hạn. Vì bà không có việc làm từ khi chấm dứt Hợp đồng lao động với công ty đến nay nên bà đã không được hưởng trợ cấp thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội chi trả, do đó bà yêu cầu công ty phải bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp cho bà. Bà đã làm mất Hợp đồng lao động và không cung cấp được tiền lương thực lãnh nên bà yêu cầu tính trợ cấp thôi việc và bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp theo tiền lương đóng bảo hiểm xã hội, tiền lương đóng bảo hiểm xã hội trong 6 tháng liền kề trước khi bà nghỉ việc là 5.200.000 đồng.

Tiền trợ cấp thôi việc cho bà từ tháng 10/2001 đến hết năm 2008 là 7,5 năm, thành tiền: $\frac{1}{2} \times 7,5 \text{ năm} \times 5.200.000 \text{ đồng} = 19.500.000 \text{ đồng}$.

Thời gian được hưởng trợ cấp thất nghiệp từ năm 2009 đến năm 2022 là 13 năm. Tuy nhiên, chỉ được hưởng tối đa 12 tháng lương nên thành tiền là: $12 \text{ tháng} \times 5.200.000 \text{ đồng} \times 60\% = 37.440.000 \text{ đồng}$.

Vậy, bà yêu cầu bị đơn là công ty TNHH M1 trả cho bà 19.500.000 đồng tiền trợ cấp thôi việc và 37.000.000 đồng tiền bồi thường trợ cấp thất nghiệp.

Bà rút các yêu cầu khởi kiện buộc công ty thanh toán tiền lương tháng 12/2022 và chốt sổ bảo hiểm.

2. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn công ty TNHH M1 không đến Tòa làm việc nên không ghi nhận được ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vụ án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung vụ án, căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Đình chỉ đối với yêu cầu buộc công ty T1 tiền lương tháng 12/2022 và chốt sổ bảo hiểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu công ty TNHH M1 trả tiền trợ cấp thôi việc và bồi thường trợ cấp thất nghiệp nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về trợ cấp thôi việc và bồi thường trợ cấp thất nghiệp*”. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố V. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm g Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai các văn bản tố tụng của Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn công ty TNHH M1.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn rút yêu cầu buộc công ty thanh toán tiền lương tháng 12/2022 và chốt sổ bảo hiểm. Xét, việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến, không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn trả tiền trợ cấp thôi việc.

Nguyên đơn bà Trần Thị L có đơn xin nghỉ việc và được bị đơn đồng ý chấm dứt Hợp đồng lao động theo Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động số 12/01/QĐ/CDHĐLĐ ngày 30/01/2023 nên thuộc trường hợp thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng lao động. Từ ngày 30-01-2023, công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bà L đến nay đã 20 tháng nhưng công ty vẫn chưa thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho bà L là vi phạm quy định tại Điều 48 Bộ luật lao động 2019. Thời gian bà L chưa đóng bảo hiểm thất nghiệp tính từ 10/2001 đến ngày 31/12/2008 nên thời gian tính bà L được hưởng trợ cấp thôi việc là 7,5 năm.

Do bà L không cung cấp được lương thực lãnh nên bà căn cứ vào mức lương đóng bảo hiểm xã hội 06 tháng liền kề trước khi nghỉ việc là 5.200.000đ/tháng để tính trợ cấp thôi việc.

Xét thấy, yêu cầu này của bà là chính đáng nên căn cứ vào Điều 46 Bộ luật lao động 2019, bà L khởi kiện Công ty TNHH M1 phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc 19.500.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.2]. Xét yêu cầu bị đơn bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp.

Tại bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp mã số 5102004973 đối với Trần Thị L, sinh năm 1978 và chứng cứ kèm theo thể hiện công ty TNHH M1 đã thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho bà L đến hết tháng 12/2022, mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2022 đến tháng 12/2022 là 5.263.000 đồng.

Bà Liên từ khi chấm dứt Hợp đồng lao động với công ty đến nay chưa có việc làm và có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp. Việc công ty đến tháng 7/2024 mới chốt sổ bảo hiểm cho bà L là trễ hạn dẫn đến việc bà L không thể nộp hồ sơ để hưởng trợ cấp thất nghiệp đúng hạn theo quy định, từ đó không được bảo hiểm xã hội chi trả tiền trợ cấp thất nghiệp. Điều này là do lỗi của công ty và đã gây thiệt hại cho bà L. Do đó, bà L yêu cầu công ty phải bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp là có căn cứ. Thiệt hại này chính là khoản tiền trợ cấp thất nghiệp lẽ ra bà L được nhận

do Bảo hiểm xã hội chi trả. Thời gian bà L tham gia bảo hiểm thất nghiệp là từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2022 nên thời gian bà L được hưởng trợ cấp thất nghiệp là 12 tháng.

Bà Lyêu cầu công ty bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp là 37.000.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Từ [3.1] và [3.2], Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L, buộc bị đơn là công ty TNHH M1 thanh toán cho bà L tổng số tiền là: 56.500.000 đồng, bao gồm 19.500.000 đồng tiền trợ cấp thôi việc và 37.000.000 đồng tiền bồi thường trợ cấp thất nghiệp.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm:

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông B phải nộp án phí Dân sự có giá ngạch là 2.825.000 đồng (56.500.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm g Khoản 1 Điều 40, Khoản 2 Điều 228, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 46, Điều 48 Bộ luật Lao động; Điều 46, Điều 50 Luật việc làm; Điều 18, Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội.

- Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn công ty TNHH M1 thanh toán cho nguyên đơn bà Trần Thị L tổng số tiền là: 56.500.000đ (Năm mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng), bao gồm 19.500.000đ (Mười chín triệu năm trăm ngàn đồng) tiền trợ cấp thôi việc và 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng) tiền bồi thường trợ cấp thất nghiệp.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu buộc công ty TNHH M1 thanh toán tiền lương tháng 12/2022 và chốt sổ bảo hiểm cho bà Trần Thị L.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH M1 phải nộp 2.825.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự có mặt) hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ (đối với đương sự vắng mặt) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tp. Vũng Tàu;
- Chi cục THADStp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Lê Thị Thanh